

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai phân bổ kế hoạch đầu tư
vốn ngân sách nhà nước năm 2026**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC; ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-VKSTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các chủ đầu tư thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao (theo quyết định đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có dự án đầu tư và Chủ đầu tư các dự án trong ngành Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND tối cao (để đăng tin);
- Lưu VP; C3

Th.10b

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư
vốn ngân sách nhà nước năm 2026**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội khoá XV về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2026; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các Chủ đầu tư có dự án đầu tư thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Chủ đầu tư các dự án tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện về đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính, Chủ đầu tư các dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước (để biết);
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Các đồng chí thành viên Tổ công tác của Ngành;
- Lưu VP; C3.

Thào100b

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN NĂM 2026

(kèm theo Quyết định số 266/VKSTC-C3 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư ban hành hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Kế hoạch vốn năm 2026				Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng NSTW	
1	2	3	5	6	7	7.1	16			
	TỔNG SỐ				6.667.434,0	5.421.649,0	398.219,0	398.219,0	32.000,0	
I	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI				5.053.535,0	4.607.200,0	201.391,0	201.391,0	32.000,0	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2026				222.335,0	213.000,0	57.000,0	57.000,0	0,0	
(1)	VKSND tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	2023-2026	215,09/12/2025	113.000,0	113.000,0	38.500,0	38.500,0	-	
(2)	VKSND tỉnh Bến Tre	Vĩnh Long	2023-2026	458, 30/12/2022	75.000,0	75.000,0	8.500,0	8.500,0	-	
(3)	VKSND TP Hải Dương	Hải Dương	2024-2026	2205,29/12/2023	34.335,0	25.000,0	10.000,0	10.000,0	-	
2	Danh mục các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026				559.000,0	297.000,0	112.391,0	112.391,0	0,0	
(1)	VKSND tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	2024-2027	160, 22/9/2025	293.000,0	41.000,0	25.000,0	25.000,0	-	
(2)	VKSND tỉnh Sơn La (địa phương hỗ trợ 8 tỷ đồng và GPMB)	Sơn La	2025-2028	515, 21/10/2025	150.000,0	140.000,0	45.000,0	45.000,0	-	
(3)	VKSND TX Tân Uyên (KV XVII)	Bình Dương	2025-2027	77, 07/9/2023	26.000,0	26.000,0	10.000,0	10.000,0	-	
(4)	VKSND huyện Mộ Đức	Quảng Ngãi	2025-2027	163; 01/10/2025	26.200,0	26.200,0	10.000,0	10.000,0	-	
(5)	Trụ sở đại diện thường trực Cơ quan điều tra VKSNDTC tại các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên; đại diện VP VKSNDTC tại Đà Nẵng; đại diện Báo BVPL tại Đà Nẵng	Cục 1	2025-2027	150, 14/10/2021	15.000,0	15.000,0	6.000,0	6.000,0	-	
(6)	VKSND huyện Quảng Hòa	Cao Bằng	2025-2027	2921, 13/12/2024	48.800,0	48.800,0	16.391,0	16.391,0	-	
4	Dự án chuẩn bị đầu tư				4.272.200,0	4.097.200,0	32.000,0	32.000,0	32.000,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư ban hành hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú	
				Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng NSTW		Trong đó: chuẩn bị đầu tư
1	2	3	5	6	7	7.1	16			
	Dự án nhóm B				3.817.600,0	3.642.600,0	28.000,0	28.000,0	28.000,0	
(1)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1	Bắc Ninh	2026-2029		132.000,0	132.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(2)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 1	Cà Mau	2026-2029		330.000,0	330.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(3)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn TP. Cần Thơ giai đoạn 1	Cần Thơ	2026-2029		151.200,0	151.200,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(4)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1	Đà Nẵng	2026-2029		93.000,0	93.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(5)	Xây dựng trụ sở VKSND tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 1	Đắk Lắk	2026-2029		255.200,0	255.200,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(6)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1	Đồng Tháp	2026-2029		333.000,0	333.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(7)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 1	Gia Lai	2026-2029		257.200,0	257.200,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(8)	Xây dựng trụ sở VKSND tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	2026-2029		225.000,0	225.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(9)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Lai Châu	2026-2029		100.000,0	100.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(10)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1	Lâm Đồng	2026-2029		140.000,0	140.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(11)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 1	Lào Cai	2026-2028		93.000,0	93.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(12)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 1	Nghệ An	2026-2029		126.000,0	126.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(13)	Xây dựng trụ sở VKSND tỉnh Ninh Bình (địa phương hỗ trợ 70% TMĐT)	Ninh Bình	2026-2029		250.000,0	75.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(14)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 1	Phú Thọ	2026-2029		300.000,0	300.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(15)	Xây dựng trụ sở VKSND tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	2026-2029		210.000,0	210.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
(16)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 1	Sơn La	2026-2029		100.000,0	100.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(17)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 1	Tây Ninh	2026-2029		160.000,0	160.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(18)	Xây dựng trụ sở VKSND tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	2026-2029		190.000,0	190.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(19)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 1	Thanh Hóa	2026-2028		117.000,0	117.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư ban hành hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Kế hoạch vốn năm 2026				Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng NSTW	
1	2	3	5	6	7	7.1	16			
(20)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1	Tuyên Quang	2026-2029		122.000,0	122.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
(21)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1	Vĩnh Long	2026-2029		133.000,0	133.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
	Dự án nhóm C				454.600,0	454.600,0	4.000,0	4.000,0	4.000,0	
(1)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 1	Điện Biên	2026-2028		45.000,0	45.000,0	500,0	500,0	500,0	
(2)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 1	Hải Phòng	2026-2028		53.600,0	53.600,0	500,0	500,0	500,0	
(3)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2026-2028		89.000,0	89.000,0	500,0	500,0	500,0	
(4)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 1	TP Huế	2026-2028		60.000,0	60.000,0	500,0	500,0	500,0	
(5)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1	Khánh Hòa	2026-2028		57.000,0	57.000,0	500,0	500,0	500,0	
(6)	Xây dựng mới, cải tạo mở rộng trụ sở VKSND khu vực trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1	Ninh Bình	2026-2028		70.000,0	70.000,0	500,0	500,0	500,0	
(7)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 1	Quảng Ninh	2026-2028		39.000,0	39.000,0	500,0	500,0	500,0	
(8)	Xây dựng trụ sở VKSND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 1	Quảng Ngãi	2026-2029		41.000,0	41.000,0	500,0	500,0	500,0	
(9)	Mua sắm trang thiết bị viện phúc thẩm 3		2026-2028		10.000,0	10.000,0				không cấp cbđt
II	NGÀNH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				1.613.899,0	814.449,0	196.828,0	196.828,0	0,0	
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026				15.000,0	15.000,0	7.828,0	7.828,0	-	
	Dự án nhóm C				15.000,0	15.000,0	7.828,0	7.828,0	0,0	
(1)	Xây dựng nhà ở học viên quốc tế và cán bộ tập huấn trường Đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ tại tp HCM	Trường HCM	2025-2027	90,26/7/2021	15.000,0	15.000,0	7.828,0	7.828,0	-	
2	Dự án khởi công mới năm 2026 (đã được giao vốn CBĐT năm 2025)				1.598.899,0	799.449,0	189.000,0	189.000,0	0,0	
(1)	Xây dựng trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Hà Nội	2026-2029	1482, 21/12/2023	1.598.899,0	799.449,0	189.000,0	189.000,0		